

CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG HƯNG 69
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG HƯNG 69

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG HUNG 69 TM&DV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG HUNG 69 CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108472544

3. Ngày thành lập: 15/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14A ngõ 11 phố Nguyễn Quý Đức, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chuyển phát	5320
2.	Xuất bản phần mềm	5820
3.	Điều hành tua du lịch	7912
4.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
5.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
6.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
7.	Cho thuê xe có động cơ	7710
8.	Đại lý du lịch	7911
9.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
10.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
12.	Dịch vụ đóng gói	8292
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
14.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
15.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16.	Cơ sở lưu trú khác	5590
17.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
18.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
19.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

20.	Cổng thông tin	6312
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
22.	Quảng cáo	7310
23.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
24.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
25.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
26.	Trồng cây lấy sợi	0116
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
28.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
29.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
30.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
31.	Sản xuất giày, dép	1520
32.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
33.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
36.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
37.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
38.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
40.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
41.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
42.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
43.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
44.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
46.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
47.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
48.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
49.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
50.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
51.	Xây dựng công trình điện	4221
52.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
53.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
54.	Bán buôn đồ uống	4633
55.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
56.	Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ	0232

57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
59.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
62.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
63.	Khai thác muối	0893
64.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
65.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
66.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
67.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
68.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
69.	Chăn nuôi khác	0149
70.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
71.	Chăn nuôi gia cầm	0146
72.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
73.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
74.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
75.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
76.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
77.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
78.	Trồng cây mía	0114
79.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
80.	Trồng cây điều	0123
81.	Trồng cây hồ tiêu	0124
82.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
83.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
84.	In ấn	1811(Chính)
85.	Sao chép bản ghi các loại	1820
86.	Bán buôn tổng hợp	4690
87.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
88.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
89.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
90.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
91.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

92.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
93.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
94.	Sản xuất nhạc cụ	3220
95.	Trồng lúa	0111
96.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
97.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
98.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ hoạt động của đấu giá viên	4774
99.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
100.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
101.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
102.	Bốc xếp hàng hóa	5224
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
104.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
105.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
106.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
107.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
108.	Trồng cây hàng năm khác	0119
109.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
110.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
111.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
112.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
113.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
114.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
115.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
116.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
117.	Trồng cây thuốc lá, thuốc láo	0115
118.	Trồng cây cao su	0125
119.	Trồng cây chè	0127
120.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
121.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
122.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
123.	Khai thác quặng sắt	0710
124.	Khai thác gỗ	0220

125.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
126.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
127.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
128.	Sản xuất chè	1076
129.	Sản xuất cà phê	1077
130.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
131.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
132.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
133.	Sản xuất rượu vang	1102
134.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
135.	Sản xuất sợi	1311
136.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
137.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
138.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
139.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
140.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
141.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
142.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
143.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
144.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
145.	Thu gom rác thải độc hại	3812
146.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
147.	Tái chế phế liệu	3830
148.	Xây dựng nhà để ở	4101
149.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
150.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
151.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
152.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
153.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
154.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
155.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
156.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4541
157.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
158.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
159.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610

160.	Bán buôn thực phẩm	4632
161.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
162.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
163.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
164.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Trừ đầu giá	4649
165.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
166.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
167.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
168.	Trồng cây ăn quả	0121
169.	Trồng cây cà phê	0126
170.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
171.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
172.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
173.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
174.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
175.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
176.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
177.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
178.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
179.	Vận tải đường ống	4940
180.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
181.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
182.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
183.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
184.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
185.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
186.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
187.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
188.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
189.	Khai thác thủy sản biển	0311
190.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
191.	Sản xuất đường	1072
192.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
193.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

194.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
195.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
196.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
197.	Xây dựng nhà không để ở	4102
198.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
199.	Xây dựng công trình thủy	4291
200.	Phá dỡ	4311
201.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
202.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHAN HOÀNG HÙNG Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/09/1969 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013028659

Ngày cấp: 11/01/2008 Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu tập thể 501B- A13, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu tập thể 501B- A13, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: PHAN HOÀNG HÙNG Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/09/1969 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013028659

Ngày cấp: 11/01/2008 Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu tập thể 501B- A13, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu tập thể 501B- A13, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội